

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo văn bản số 56/CV-XMLT ngày 29/07/2024 của Công ty cổ phần Xi măng Long Thành)

I. Thông tin chung về dự án:

- Tên dự án: “Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng khu chế biến và đường vào mỏ đá vôi của Công ty cổ phần xi măng Long Thành tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam”.

- Tên chủ đầu tư dự án: Công ty cổ phần Xi măng Long Thành.

- Đại diện chủ đầu tư: (Ông) Phạm Quang Toán - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- Địa chỉ trụ sở: Thôn Hồng Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Vị trí thực hiện dự án đầu tư: Dự án được thực hiện tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0700269447 đăng ký lần đầu ngày 26/12/2008, thay đổi lần thứ 15 ngày 19/01/2024.

II. Nội dung chủ yếu của dự án

1. Lý do thực hiện dự án:

Dự án “Đầu tư xây dựng khu chế biến và đường vào mỏ đá vôi của Công ty cổ phần xi măng Long Thành tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam” được lập từ năm 2018 và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt trữ lượng trong Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường trong khu vực Dự án tại Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 13/02/2020.

Công ty cổ phần xi măng Long Thành đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 15/GP-UBND ngày 31/3/2020, cho phép khai thác khoáng sản đá vôi làm VLXDĐT trong khu vực mặt bằng đầu tư xây dựng khu chế biến và đường vào mỏ đá vôi xi măng tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam với diện tích 21,70ha; trữ lượng khai thác là 5.766.535 m³; công suất khai thác là 1.000.000 m³/năm; mức sâu khai thác +20m; thời hạn cấp phép khai thác 6,3 năm kể từ ngày cấp Giấy phép (trong đó có 05 tháng xây dựng cơ bản mỏ) với mục đích khai thác thu hồi khoáng sản đá vôi làm VLXDĐT khi thực hiện đầu tư xây dựng dự án. Dự án đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Nam phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 196/QĐ-UBND ngày 26/6/2020.

Sau khi được cấp Giấy phép khai thác, Công ty đã khẩn trương thực hiện thủ tục để chuyển đổi đất rừng, đền bù giải phóng mặt bằng, hoàn thiện thủ tục

thuê đất theo Hợp đồng thuê đất số 20/HĐTD ngày 17/5/2023 với diện tích 25,08ha trước khi đủ điều kiện đi vào khai thác thu hồi khoáng sản. Theo đó, đến tháng 6/2023 dự án mới bắt đầu tiến hành hoạt động khai thác khoáng sản. Như vậy, tiến độ đầu tư xây dựng các công trình như: trạm đập đá vôi, mặt bằng bãi chứa nguyên liệu để phục vụ nhà máy xi măng không đảm bảo về thời gian và tiến độ đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận, đặc biệt là công trình làm đường vào mỏ đá vôi đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp phép để lấy nguyên liệu cung cấp cho Nhà máy Xi măng Long Thành (đá vôi là nguyên liệu chính để sản xuất xi măng).

Công ty xác định đây là một trong các công trình quan trọng, để đảm bảo có đường vận chuyển vào mỏ đá vôi và nguyên liệu để phục vụ cho Nhà máy Xi măng Long Thành hoạt động ổn định, tránh lãng phí tài nguyên khoáng sản, Công ty đề nghị điều chỉnh nâng công suất khai thác khoáng sản (khai thác bù khối lượng) tại khu vực dự án với công suất cho năm 2024, 2025 là 2.000.000 m³/năm và năm 2026 là 1.500.000 m³/năm. Công ty cam kết khai thác trên cơ sở không thay đổi diện tích khai thác, trữ lượng khoáng sản được phép khai thác, cốt kết thúc khai thác và tổng khối lượng vật liệu nổ...

Căn cứ số thứ tự 9 và 11, phụ lục IV, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và khoản b, Điều 30 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14. Dự án thuộc đối tượng phải lập lại Báo cáo đánh giá tác động môi trường trình Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Nam thẩm định và phê duyệt.

2. Mục tiêu dự án

- Thu hồi khoáng sản đá vôi trong mặt bằng dự án làm vật liệu xây dựng thông thường khi thực hiện đầu tư xây dựng khu chế biến và đường vào mỏ đá vôi xi măng tại xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng làm nguyên liệu phục vụ nhà máy xi măng Long Thành.

- Là một dự án thành phần (bao gồm các hạng mục phụ trợ) của dự án xây dựng Nhà máy xi măng Long Thành với công suất 2,3 triệu tấn/năm. Thời gian tồn tại của dự án theo suốt thời gian hoạt động của nhà máy xi măng Long Thành.

3. Vị trí địa lý

Khu vực mỏ thuộc thôn Hồng Sơn, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam. Tổng diện tích sử dụng đất sau khi điều chỉnh dự án là 26,08ha, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ đã được cấp phép khai thác là: 21,7ha, trong đó:
- Khu phụ trợ có tổng diện tích là 4,38ha.

Khu mỏ có biên giới giáp ranh như sau:

- Phía Đông giáp với Nhà máy xi măng Long Thành.
- Phía Tây giáp mỏ đá vôi của Công ty cổ phần xi măng Long Thành.
- Phía Nam giáp núi đá và Công ty TNHH Phong Dân.

- Phía Bắc giáp núi đá và mỏ đá với Công ty cổ phần khoáng sản Thăng Long.

Diện tích khu vực dự án được giới hạn bởi các điểm khép góc có tọa độ theo hệ VN2000 kinh tuyến 105⁰⁰”, múi chiếu 3⁰ được thống kê ở bảng sau:

Bảng tọa độ các điểm khép góc ranh giới mỏ

STT	Số hiệu điểm	Hệ tọa độ VN-2000, KTT 105 ⁰⁰ ’, múi chiếu 3 ⁰		Diện tích (ha)
		X (m)	Y (m)	
1	1	2278965,73	585007,44	26,08
2	2	2278949,48	585195,86	
3	3	2278664,12	585150,09	
4	4	2278670,70	584875,38	
5	5	2278803,35	584875,38	



4. Quy mô, công suất của dự án:

Tổng diện tích sử dụng đất dự án là 26,08ha, cụ thể như sau:

- Diện tích mỏ đã được cấp phép khai thác là: 21,7 ha
- Khu phụ trợ có tổng diện tích là 4,38ha.

Theo kết quả đo mỏ gần nhất ngày 21/12/2023 của Công ty cổ phần xi măng Long Thành đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định thì khối lượng đã khai thác năm 2023 là 712.429 m³. Do các năm trước 2023 không khai thác nên trữ lượng khai thác còn lại là 5.054.106 m³ đá nguyên khối.

- Công suất khai thác là: 2.000.000 m³ đá nguyên khối/năm, tương đương 3.000.000m³ đá nguyên khai/năm.

5. Tuổi thọ mỏ

Tuổi thọ (thời gian tồn tại) của dự án bao gồm thời gian xây dựng cơ bản và thời gian khai thác trên cơ sở trữ lượng có thể khai thác và công suất theo thiết kế (theo Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của bộ Công thương). Công suất khai thác mỏ: 2.000.000 m³ đá nguyên khối/năm.

Tuổi thọ mỏ được tính theo công thức:

$$T_1 + T_2 = 2,6 \text{ năm.}$$

Trong đó:

T₁: Thời gian xây dựng cơ bản là 02 tháng (0,2 năm).

T₂: Thời gian mỏ khai thác ổn định theo công suất thiết kế

$$T_2 = \frac{5.054.106 - 179.353}{2.000.000} = 2,4 \text{ năm}$$

* Trong đó:

- Trữ lượng khai thác còn lại: 5.054.106 m³
- Khối lượng xây dựng cơ bản (0,2 năm): 179.353 m³
- Công suất khai thác mỏ: 2.000.000 m³ nguyên khối/năm.

Phương án chọn thời gian kết thúc khai thác là ngày 31/12/2026 (theo Quyết định số 2168/QĐ-UBND ngày 15/12/2021 của UBND tỉnh Hà Nam và tuân thủ giấy phép khai thác số 15/GP-UBND ngày 31/3/2020 của UBND tỉnh Hà Nam.

6. Phương án mở vỉa và trình tự khai thác:

* Thi công mở vỉa:

+ Xây dựng đường vận tải ô tô: Đường vận tải ô tô được xây dựng từ đường hiện có lên đến bãi xúc trung gian (Thông số cơ bản đường theo thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đá vôi làm nguyên liệu xi măng tại khu vực K36 như sau: Cao độ đầu đường +42m, cao độ cuối đường +70m. Chiều dài đường 258m, chiều rộng nền đường 9m, chiều rộng mặt đường 7m. Độ

đốc dọc lớn nhất 11%).

+ Xây dựng bãi xúc trung gian (*cao độ +70m, chiều dài bãi xúc 340m, chiều rộng bãi xúc 20m*).

+ Xây dựng đường di chuyển thiết bị số 1: thi công từ đường vận tải ô tô lên đến sườn núi số 1 sau khi bạt (*Cao độ đầu đường +70m, cao độ cuối đường +120m. Chiều dài đường 168m. Độ dốc dọc lớn nhất 35%. Chiều rộng nền đường 6m*).

+ Thi công bạt sườn núi số 1 (*bạt đến cao độ +120m. Chiều dài bạt sườn 260m. Chiều rộng bạt sườn 20m*).

- Hoạt động khai thác với công suất 1.000.000m³ đá nguyên khối/năm.

- Hoạt động của máy móc, thiết bị thi công, hoạt động vận chuyển đá nguyên liệu, sản phẩm.

* Giai đoạn vận hành khai thác mỏ (thu hồi khoáng sản):

- Xây dựng các công trình trong giai đoạn khai thác mỏ:

+ Đường di chuyển thiết bị số 2 được thi công từ sườn núi số 1 đã bạt lên đến sườn núi số 2 sau khi bạt. Cao độ đầu đường +120m, cao độ cuối đường +190m. Chiều dài đường 247m. Độ dốc dọc lớn nhất 35%. Chiều rộng nền đường 6m.

+ Thi công bạt sườn núi số 2: Sườn núi số 2 được bạt đến cao độ +190m. Chiều dài bạt sườn 190m. Chiều rộng bạt sườn 20m.

+ Thi công xây dựng đường di chuyển thiết bị số 3: Đường di chuyển thiết bị số 3 được thi công từ đường di chuyển thiết bị số 2 lên đến đỉnh núi sau khi bạt. Cao độ đầu đường +159,3m, cao độ cuối đường +310m. Chiều dài đường 448m. Độ dốc dọc lớn nhất 35%. Chiều rộng nền đường 6m.

+ Thi công bạt đỉnh núi: Đỉnh núi bạt đến cao độ +310 m

- Hoạt động khoan, nổ mìn khai thác với công suất 2.000.000 m³ đá nguyên khối/năm.

- Các hoạt động bốc xúc và vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm.

- Chế biến đá công suất 3.000.000 m³/năm đá nở rời.

- Hoạt động của máy móc thiết bị.

III. Tác động môi trường của dự án

1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

* Không khí:

- Bụi phát sinh từ công đoạn đào đất, đắp nền

- Bụi, khí thải (SO_x, CO, NO₂, VOC,...) từ hoạt động của các thiết bị máy móc xây dựng, hoạt động giao thông của các phương tiện...

- Bụi, khí độc (CO₂, CO, NO) do hoạt động nổ mìn

- Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do hoạt động của các thiết bị máy móc xây dựng, từ hoạt động nổ mìn

* *Nước thải*: từ các hoạt động xây dựng, nước mưa chảy tràn và nước thải sinh hoạt của công nhân xây dựng.

* *Chất thải rắn*: Rác thải của dự án trong giai đoạn này chủ yếu là rác thải sinh hoạt của công nhân thi công và chất thải vật liệu xây dựng.

Ngoài ra còn phát sinh *chất thải nguy hại* bao gồm giẻ lau dính dầu, dầu mỡ bôi trơn máy móc...

2. Trong giai đoạn khai thác

* *Không khí*:

- Bụi, khí thải độc hại phát sinh từ các hoạt động khai thác, chế biến, bao gồm:

+ Bụi, khí thải độc hại (CO_2 , CO, NO) từ hoạt động khoan lỗ nổ mìn;

+ Bụi, khí thải độc hại (CO_2 , NO_2 , CO...) từ hoạt động xúc bốc, vận chuyển đá vôi từ khu vực khai thác tới khu vực chế biến

+ Bụi từ công đoạn nghiền, sàng đá vôi

- Bụi, khí thải (SO_2 , NO_x , CO_x , VOC) phát sinh từ công đoạn vận chuyển đá nguyên liệu về bãi chế biến

+ Bụi, khí thải (SO_2 , NO_x , CO_x , VOC) do vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ

- Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do hoạt động của các thiết bị máy móc, từ hoạt động nổ mìn

* *Nước thải*:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân khai thác, chế biến, thành phần ô nhiễm chính là các chất hữu cơ (BOD_5 , COD), các hợp chất của N, P (amoni, nitrat, phosphat), vi sinh vật gây bệnh (coliform)

+ Nước mưa chảy tràn

* *Chất thải rắn*:

+ CTR sinh hoạt từ công nhân viên tại công trường khai thác

+ CTR công nghiệp thông thường: lốp xe, băng tải, bánh xích, dầu mỡ sắt vụn...hồng, không chứa thành phần nguy hại, đất đá phủ bề mặt thải

+ CTNH: dầu mỡ thải, giẻ lau dính dầu, vỏ bao có dính thuốc nổ...

IV. Giải pháp môi trường dự kiến

1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

* *Đối với bụi, khí thải*:

- Dùng xe tưới nước để tưới đường giao thông trong và ngoài mỏ để giảm thiểu bụi với tần suất 2-4 lần/ngày;

- Đối với bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông vận tải, từ máy móc, thiết bị thi công trên công trường:

+ Không sử dụng các xe vận chuyển đã quá thời gian lưu hành;

+ Tất cả các xe vận chuyển đều phải vận chuyển đúng khối lượng;

+ Sử dụng xe tưới nước làm ướt mặt đường xung quanh khu vực xây dựng dự án với tần suất khoảng 2 lần/ngày để giảm thiểu nguồn bụi phát sinh tại khu vực dự án;

+ Khi xe chở đá về trạm đập, thùng xe phải được phủ kín bạt, thùng xe phải chắc chắn, kín, tuyệt đối không để đá rơi vãi dọc đường.

+ Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị vận tải, điều chỉnh sửa chữa kịp thời máy móc nhằm đảm bảo để chúng làm việc ở điều kiện thiết bị tốt nhất, an toàn có năng suất và sinh ra khí thải độc hại ít nhất.

+ Các tài liệu hướng dẫn về máy móc và các thiết bị xây dựng được cung cấp đầy đủ, các tham số kỹ thuật được kiểm tra thường xuyên. Lắp đặt các đèn báo cháy, đèn báo tín hiệu và các biển báo cần thiết khác.

- Đối với bụi, khí thải từ hoạt động nổ mìn:

Lựa chọn các phương pháp, sơ đồ nổ mìn tiên tiến, các thông số nổ mìn hợp lý và các loại thuốc nổ, vật liệu nổ có cân bằng oxy bằng không hoặc sấp xỉ bằng không để ít sinh ra khí độc, tăng hiệu quả nổ mìn và bảo vệ tốt môi trường. Theo đó chủ dự án đề xuất chọn nổ vi sai qua hàng bằng kíp vi sai điện. Mỗi lỗ có 2 kíp đầu song song, các lỗ đầu nối tiếp. Trong một hàng dùng kíp cùng số. Dùng mạng nổ tam giác đều.

* *Đối với nước thải:*

- *Nước thải sinh hoạt:*

Đầu tư xây dựng công trình xử lý nước thải gồm bể tự hoại và bể lọc sinh học để xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng của cơ sở, đảm bảo nước thải sinh hoạt sau khi xử lý đạt QCVN14:2008/BTNMT cột A trước khi thải ra nguồn tiếp nhận

- *Nước mưa chảy tràn:*

+ Thiết kế hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom thoát nước thải.

+ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa gồm các rãnh thu, thoát nước mưa, bố trí song chắn rác tại các hồ thu nước mưa để giữ lại những vật liệu có kích thước lớn.

+ Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống dẫn nước mưa, kiểm tra phát hiện hỏng hóc để sửa chữa kịp thời.

+ Đảm bảo duy trì các tuyến hành lang an toàn cho hệ thống thoát nước mưa. Không để các loại rác thải, chất lỏng độc hại xâm nhập vào đường thoát nước.

** Đối với chất thải rắn, chất thải nguy hại:*

- CTR sinh hoạt: sử dụng các thùng dung tích 100 lít, có nắp đậy kín, đặt tại khu vực phát sinh (khu nhà ăn, văn phòng)

- CTR công nghiệp thông thường của dự án trong giai đoạn này chủ yếu là vật liệu xây dựng như đất, đá thải sẽ được dự án tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng trong mỏ và trồng cây. Ngoài ra dự án sẽ bố trí 01 kho lưu giữ CTR công nghiệp thông thường .

- CTNH: Bố trí các thùng phuy có dung tích 100 lít, có nắp đậy kín để lưu giữ chất thải nguy hại. Ngoài ra dự án sẽ bố trí 01 kho lưu giữ chất thải nguy hại được xây dựng theo đúng quy định.

- Ngoài ra, chủ dự án sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ tới thu gom, lưu giữ, vận chuyển các loại CTR, CTNH của dự án theo đúng quy định của pháp luật.

2. Trong giai đoạn khai thác mỏ

** Đối với bụi, khí thải:*

- Đối với bụi, khí thải phát sinh từ mỏ khai thác:

+ Dự án sẽ sử dụng loại thuốc nổ và phương án nổ mìn như đã đề xuất trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.

+ Ngoài ra, chủ dự án sẽ trang bị đầy đủ bảo hộ lao động (khẩu trang, mũ, kính, nút bịt tai...) cho công nhân trực tiếp làm việc tại mỏ khai thác.

- Đối với bụi, khí thải từ khu vực văn phòng, bãi chế biến, đường nội bộ:

+ Sử dụng vòi phun nước di động để tưới nước dập bụi;

+ Đối với dây chuyền nghiền, sàng đá: lắp đặt hệ thống dập bụi bằng tại mỗi dây chuyền

** Đối với nước thải:*

Tiếp tục xử lý các công trình xử lý nước thải sinh hoạt, công trình thu gom, thoát nước mưa đã xây dựng trong giai đoạn thi công xây dựng.

** Đối với các loại CTR, CTNH:*

- Tiếp tục áp dụng các phương án thu gom các loại chất thải rắn, chất thải nguy hại hiện tại.

- Thành lập tổ vệ sinh môi trường và an toàn lao động. Tổ vệ sinh có trách nhiệm hàng ngày phân loại, thu gom các loại chất thải rắn, CTNH phát sinh tại dự án và đưa về các kho lưu giữ tạm thời đã có.

- Tiếp tục ký hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển, xử lý các loại CTR, CTNH theo đúng quy định.

V. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án

a. Giám sát giai đoạn thi công xây dựng

- Giám sát môi trường không khí: tần suất 3 tháng/lần
- Giám sát môi trường nước: giám sát nước thải sinh hoạt tại vị trí sau công trình xử lý, tần suất giám sát 3 tháng/lần
- Giám sát khác:
 - + Giám sát chất thải: Giám sát khối lượng và chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tần suất giám sát: hàng ngày
 - + Giám sát sự trượt, sụt, lở: giám sát tại khu vực thi công các công trình mới, tần suất giám sát: hàng ngày
 - + Giám sát an toàn lao động, an toàn công trình: tần suất giám sát: liên tục trong thời gian thi công xây dựng

b. Giám sát giai đoạn khai thác mỏ

- Giám sát môi trường không khí: tần suất 3 tháng/lần
- Giám sát môi trường nước: giám sát nước thải sinh hoạt tại vị trí sau công trình xử lý, tần suất giám sát 3 tháng/lần
- Giám sát khác:
 - + Giám sát chất thải: Giám sát khối lượng và chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại, tần suất giám sát: hàng ngày
 - + Giám sát sự trượt, sụt, lở: tần suất giám sát: hàng ngày
 - + Giám sát an toàn lao động, an toàn công trình: tần suất giám sát: liên tục trong thời gian khai thác

2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

** Giải pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống thu gom nước thải*

- *Đối với bể tự hoại, bể lọc sinh học:*
 - + Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại, bể lọc sinh học, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố (tắc nghẽn bồn cầu, tắc nghẽn đường ống thoát khí của bể có thể xảy ra).
 - + Bổ sung chế phẩm vi sinh định kỳ 6 tháng/lần vào bể tự hoại.
- *Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:*
 - + Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống đảm bảo các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.\

** Đối với sự cố do nổ mìn:*

- Tiến hành nổ mìn cần tuân thủ đúng kỹ thuật nổ mìn, quy định an toàn khi nổ mìn và thời gian tiến hành nổ mìn

- Thông báo lịch nổ mìn cho chính quyền địa phương xã, cộng đồng dân cư khu vực lân cận dự án và toàn bộ công nhân được biết, cấm còi, biên báo hiệu tại khu vực nổ mìn

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân tham gia công tác nổ mìn.

** Đối với sự khác*

Cử cán bộ theo dõi nguy cơ xảy ra các sự cố như trượt, sụt lở đất, tai nạn lao động và ghi chép vào sổ nhật ký theo dõi của bộ phận quản lý mỏ thường xuyên hàng tháng để theo dõi sự biến động trong không gian và thời gian để kịp thời có biện pháp khắc phục